

Bảng 3
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2024 của UBND huyện Thạch An)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điểm đạt được		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	19				
1.1	Ban hành kế hoạch	5				
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch (trước ngày 15/01 hàng năm)	1				
	<i>Ban hành kịp thời: 1</i>					
	<i>Ban hành không kịp thời: 0</i>					
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Kế hoạch CCHC của UBND huyện và các nhiệm vụ được xây dựng, thực hiện đúng thẩm quyền	2				
	<i>Đạt yêu cầu: 2</i>					
	<i>Không đạt yêu cầu: 0</i>					
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	2				
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 2</i>					
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 1</i>					
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>					
1.2	Thực hiện công tác báo cáo CCHC	3				
1.2.1	Báo cáo CCHC	2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điểm đạt được		
	<i>Đáp ứng yêu cầu về số lượng, nội dung và thời gian báo cáo theo hướng dẫn của huyện: 2</i>					
	<i>Có 01 báo cáo trở lên chậm thời gian hoặc nội dung không đảm bảo theo quy định: 1</i>					
1.2.2	Thời gian báo cáo kết quả tự chấm điểm Chỉ số CCHC	1				
	<i>Đảm bảo thời gian theo quy định: 1</i>					
	<i>Không đảm bảo thời gian theo quy định: 0</i>					
1.3	Công tác tự kiểm tra CCHC	2				
	<i>Xây dựng kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra CCHC: 0,5</i>					
	<i>Mức độ thực hiện kế hoạch: 0,5</i>					
	<i>Xử lý các vấn đề phát hiện qua tự kiểm tra: 1</i>					
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	3,5				
1.4.1	Ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC (ban hành kế hoạch riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch CCHC)	1				
	<i>Có kế hoạch: 1</i>					
	<i>Không có kế hoạch: 0</i>					
1.4.2	Mức độ hoàn thành Kế hoạch tuyên truyền CCHC	1,5				
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1.5</i>					
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 1</i>					
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>					
1.4.3	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điểm đạt được		
	<i>Thực hiện tuyên truyền đầy đủ nội dung CCHC thông qua các kênh truyền thống: 0,5</i>					
	<i>Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0,5</i>					
1.5	Những giải pháp, việc làm mới, cách làm hay trong chỉ đạo, điều hành CCHC	3				
1.5.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua khen thưởng	1				
	<i>Có thực hiện: 1</i>					
	<i>Không thực hiện: 0</i>					
1.5.2	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong triển khai CCHC	2				
	<i>Có 02 sáng kiến hoặc giải pháp mới : 2</i>					
	<i>Có 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới : 1</i>					
	<i>Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới: 0</i>					
1.6	Thực hiện các giải pháp khắc phục hạn chế trong CCHC (Ban hành văn bản, kế hoạch nâng cao các chỉ số PAR-INDEX, SIPAS, PAPI theo kế hoạch của UBND tỉnh; báo cáo kết quả thực hiện đúng hạn theo quy định)	0,5				
1,7	Trách nhiệm của người đứng đầu	2				
1.7.1	Phụ trách công tác cải cách hành chính	1				
	<i>Chủ tịch UBND xã, thị trấn trực tiếp phụ trách công tác CCHC:1</i>					
	<i>Không phải Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn trực tiếp phụ trách công tác CCHC:0</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điểm đạt được		
1.7.2	Thực hiện Chương trình đối thoại giữa lãnh đạo UBND xã với người dân	1				
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	13				
2.1	Ban hành Kế hoạch xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	1				
	<i>Có ban hành kế hoạch theo quy định: 1</i>					
	<i>Không ban hành kế hoạch quy định: 0</i>					
2.2	Xây dựng và ban hành các văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương theo quy định	2				
	<i>100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng thẩm quyền, đúng quy trình: 2</i>					
	<i>Dưới 100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng thẩm quyền, đúng quy trình: 0</i>					
2.3	Rà soát văn bản QPPL	2,5				
2.3.1	Kết quả sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ văn bản QPPL sau rà soát	1,5				
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$, trong đó: a là tổng số văn bản cần phải xử lý; b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý; trường hợp $a = 0$ thì đạt điểm tối đa</i>					
2.3.2.	Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực hàng năm	1				
	<i>Kịp thời, đúng quy định: 1</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điểm đạt được		
	<i>Không kịp thời hoặc không đúng quy định: 0</i>					
2.4	Xử lý VBQPPL trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị	2,5				
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a) * điểm tối đa, trong đó: a là tổng số văn bản cần phải xử lý; b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý; trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa.</i>					
2.5	Theo dõi thi hành pháp luật	5				
2.5.1	Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật	1				
	<i>Ban hành kế hoạch đảm bảo đúng thời gian theo quy định: 1</i>					
	<i>Ban hành kế hoạch không đúng thời theo quy định hoặc không ban hành kế hoạch: 0</i>					
2.5.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật	2				
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 2</i>					
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 1</i>					
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>					
2.5.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1				
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>					
	<i>Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>					
	<i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điểm đạt được		
2.5.4	Thực hiện báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật	1				
	<i>Báo cáo đúng nội dung và đảm bảo thời gian theo quy định: 1</i>					
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc không đảm bảo thời gian theo quy định: 0</i>					
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	27				
3.1	Ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	3				
3.1.1	Ban hành Kế hoạch	1				
	<i>Kế hoạch đúng nội dung và đảm bảo thời gian theo quy định: 1 (Ban hành kế hoạch trong quý IV năm trước năm liền kế hoặc trong tháng 01 của năm kế hoạch)</i>					
	<i>Kế hoạch không đúng nội dung hoặc không đảm bảo thời gian theo quy định: 0 (Ban hành kế hoạch sau tháng 01 của năm kế hoạch)</i>					
3.1.2	Mức độ hoàn thành Kế hoạch	2				
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 2</i>					
	<i>Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 1</i>					
	<i>Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,5</i>					
	<i>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</i>					
3.2	Rà soát, đánh giá TTHC	2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điểm đạt được		
3.2.1	Thực hiện rà soát, đánh giá TTHC đúng tiến độ	1				
	<i>Thực hiện rà soát, đánh giá TTHC đúng tiến độ: 1</i>					
	<i>Không tổ chức rà soát, đánh giá hoặc không đúng tiến độ: 0</i>					
3.2.2	Tổ chức rà soát, đánh giá TTHC đảm bảo tỷ lệ yêu cầu	1				
	<i>Từ 50% trở lên số TTHC thuộc thẩm quyền quản lý được rà soát: 1</i>					
	<i>Từ 30% - dưới 50% số TTHC thuộc thẩm quyền quản lý được rà soát: 0,5</i>					
	<i>Dưới 30% số TTHC thuộc thẩm quyền quản lý được rà soát: 0</i>					
3.3	Niêm yết công khai các thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	3				
	Niêm yết công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận TN&TKQ và đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của xã	3				
	<i>Niêm yết đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC và đăng tải công khai trên Trang Thông tin điện tử cấp xã: 3</i>					
	<i>Niêm yết đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận TN&TKQ giải quyết TTHC nhưng không đăng tải công khai trên Trang Thông tin điện tử cấp xã: 1,5</i>					
	<i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điểm đạt được		
3.4	Tổ chức thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính	2				
3.4.1	Công khai địa chỉ tiếp nhận PAKN của các cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính theo quy định	1				
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>					
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>					
3.4.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	1				
	<i>100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>					
	<i>Dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>					
3.5	Báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	2				
	<i>Thực hiện báo cáo đầy đủ (báo cáo quý, năm) và thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, đúng thời gian quy định: 2</i>					
	<i>Thực hiện báo cáo đầy đủ (báo cáo quý, năm) nhưng không đúng thời gian quy định: 1</i>					
	<i>Thực hiện báo cáo không đầy đủ (báo cáo quý, năm), không đúng thời gian quy định: 0</i>					
3.6	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	15				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điểm đạt được		
3.6.1	Số lượng thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	3				
	<i>100% số TTHC: 3</i>					
	<i>Dưới 100% số TTHC: 0</i>					
3.6.2	Áp dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC	3				
	<i>100% TTHC thực hiện tiếp nhận và trả kết quả trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử: 3</i>					
	<i>Từ 90% - dưới 100% số TTHC thực hiện tiếp nhận và trả kết quả trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử: 2</i>					
	<i>Từ 80% - dưới 90% số TTHC thực hiện tiếp nhận và trả kết quả trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử: 1</i>					
	<i>Dưới 80% số TTHC thực hiện tiếp nhận và trả kết quả trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử: 0</i>					
3.6.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã được cập nhật đầy đủ thành phần hồ sơ trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh đúng theo quy định	2				
	<i>100% hồ sơ TTHC: 2</i>					
	<i>Từ 85% - dưới 100% hồ sơ TTHC: 1</i>					
3.6.4	Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng hạn và trước hạn trong tổng số hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	3				
	<i>Đạt 100%: 3</i>					
	<i>Từ 90% - dưới 100%: 2</i>					
	<i>Từ 70% - dưới 90%: 1</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điểm đạt được		
	<i>Dưới 70%: 0</i>					
3.6.5	Tỷ lệ TTHC được áp dụng toàn bộ quy trình tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp xã (4 tại chỗ)	2				
	<i>100% số TTHC thuộc thẩm quyền được áp dụng: 2</i>					
	<i>Từ 80% - dưới 100% số TTHC thuộc thẩm quyền được áp dụng: 1</i>					
	<i>Dưới 80% số TTHC thuộc thẩm quyền được áp dụng: 0</i>					
3.6.6	Thực hiện quy định về ban hành văn bản thông báo tới cá nhân, tổ chức đến giải quyết TTHC trong trường hợp hồ sơ chưa đủ hoặc không đủ điều kiện giải quyết; ban hành văn bản xin lỗi cá nhân, tổ chức khi trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC quá hạn	2				
	<i>Thực hiện đúng quy định: 2</i>					
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0</i>					
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	5				
4.1	Xây dựng, ban hành và thực hiện quy chế làm việc của UBND xã, thị trấn theo quy định	1,5				
	<i>Có ban hành theo quy định: 1,5</i>					
	<i>Không ban hành: 0</i>					
4.2	Ban hành đầy đủ và thực hiện Kế hoạch công tác năm, hàng tháng và báo cáo đúng, đầy đủ theo chức năng nhiệm vụ	2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điểm đạt được		
	<i>Ban hành đầy đủ, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời: 1</i>					
	<i>Thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ: 1</i>					
	<i>Chưa ban hành hoặc triển khai chưa đầy đủ. kịp thời:0</i>					
4.3	Phân công nhiệm vụ cụ thể cho Chủ tịch, PCT UBND, các ủy viên, công chức cấp xã	1,5				
	<i>Có văn bản phân công nhiệm vụ cụ thể: 1,5</i>					
	<i>Có văn bản phân công nhiệm vụ nhưng chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung sau khi thực hiện công tác cán bộ, công chức: 0,5</i>					
	<i>Không có văn bản phân công nhiệm vụ: 0</i>					
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	20				
5.1	Báo cáo số lượng, chất lượng, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã	4				
5.1.1	Báo cáo đầy đủ nội dung theo hướng dẫn	2				
	<i>Đạt yêu cầu: 2</i>					
	<i>Không đạt yêu cầu: 0</i>					
5.1.2	Báo cáo được gửi đúng thời gian quy định	2				
	<i>Đúng thời gian quy định: 2</i>					
	<i>Không đúng quy định: 0</i>					
5.2	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	7				
5.2.1	Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm của cơ quan hoặc lồng ghép với kế hoạch công tác năm	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điểm đạt được		
	<i>Có kế hoạch: 1</i>					
	<i>Không có kế hoạch: 0</i>					
5.2.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	3				
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 3</i>					
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 2</i>					
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>					
5.2.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	3				
	<i>Đạt 70% trở lên: 3</i>					
	<i>Từ 50% - dưới 70%: 2</i>					
	<i>Dưới 50% kế hoạch: 0</i>					
5.3	Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức	3				
5.3.1	Thực hiện việc đánh giá, báo cáo kết quả đánh giá	1,5				
	<i>Đúng thời gian quy định: 1.5</i>					
	<i>Không đúng thời gian quy định: 0</i>					
5.3.2	Thực hiện trình tự, thủ tục, thẩm quyền đánh giá	1,5				
	<i>Đúng quy định: 1.5</i>					
	<i>Không đúng quy định: 0</i>					
5.4	Tỷ lệ đạt chuẩn trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức cấp xã	4				
5.4.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	2				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điểm đạt được		
	<i>100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 2</i>					
	<i>Còn cán bộ cấp xã chưa đạt chuẩn: 0</i>					
5.4.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	2				
	<i>100% công chức cấp xã đạt chuẩn: 2</i>					
	<i>Còn công chức cấp xã chưa đạt chuẩn: 0</i>					
5,5	Cập nhật kịp thời dữ liệu Cán bộ công chức trên hệ thống	1				
	<i>Hoàn thành đúng thời gian, nội dung yêu cầu đánh giá 1 điểm</i>					
	<i>Thực hiện không đảm bảo thời gian, nội dung yêu cầu đánh giá 0 điểm</i>					
5,6	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã	1				
	<i>Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật ở mức khiển trách trở lên: 1</i>					
	<i>Có cán bộ, công chức bị kỷ luật ở mức khiển trách trở lên: 0</i>					
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	6				
6.1	Thực hiện công khai dự toán, quyết toán ngân sách và các hoạt động tài chính xã	1				
	<i>Đúng nội dung: 1,5</i>					
	<i>Không đúng nội dung: 0</i>					
6.2	Thực hiện công khai tài chính theo quy định	1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điểm đạt được		
	<i>Đúng hình thức: 1,5</i>					
	<i>Không đúng hình thức: 0</i>					
6.3	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của cấp xã theo kế hoạch được huyện giao	2				
	<i>Vượt chỉ tiêu (5% trở lên): 2</i>					
	<i>Đạt chỉ tiêu: 1,5</i>					
	<i>Từ 90% đến dưới 100%: 0,5</i>					
	<i>Dưới 90%: 0</i>					
6.4	Thực hiện giải ngân vốn đầu tư công	2				
	<i>Từ 90% trở lên: 2</i>					
	<i>Từ 70% - dưới 90% : 1</i>					
	<i>Dưới 70%: 0</i>					
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	10				
7.1	Chuyển đổi số tại cơ quan nhà nước	6,5				
7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch Chuyển đổi số	1				
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>					
	<i>Hoàn thành từ 90% - dưới 100% kế hoạch: 0,5</i>					
	<i>Hoàn thành dưới 90% kế hoạch: 0</i>					
7.1.2	Tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử (<i>trừ văn bản không được gửi nhận qua môi trường mạng</i>)	1,0				
	<i>100% số văn bản: 1</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điểm đạt được		
	<i>Từ 95% - dưới 100% số văn bản: 0,5</i>					
	<i>Dưới 95% số văn bản: 0</i>					
7.1.3	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (<i>trừ hồ sơ công việc không được gửi nhận qua môi trường mạng</i>)	1,0				
	<i>Từ 90% trở lên số hồ sơ công việc: 1</i>					
	<i>Từ 80% - dưới 90% số hồ sơ công việc: 0,5</i>					
	<i>Dưới 80% số hồ sơ công việc: 0</i>					
7.1.4	Cung cấp thông tin trên trang Thông tin điện tử của đơn vị theo quy định	2				
	<i>Cung cấp đạt 100% các thông tin quy định tại Điều 4, Nghị định 42/2022/NĐ-CP: 2</i>					
	<i>Cung cấp từ 90% - dưới 100% các thông tin quy định tại Điều 4, Nghị định 42/2022/NĐ-CP: 1</i>					
	<i>Cung cấp dưới 90% các thông tin quy định tại Điều 4, Nghị định 42/2022/NĐ-CP: 0</i>					
7.1.5	Triển khai số hóa hồ sơ, số hóa lưu kho kết quả giải quyết TTHC	1				
7.1.5.1	Số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	0,5				
	<i>Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đạt 80%: 0,5</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điểm đạt được		
	<i>Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết dưới 80%: 0</i>					
7.1.5.2	Số hóa lưu kho kết quả giải quyết TTHC	0,5				
	<i>Số hóa lưu kho kết quả giải quyết TTHC đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đạt 50%: 0,5</i>					
	<i>Số hóa lưu kho kết quả giải quyết TTHC đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết dưới 50%: 0</i>					
7.1.6	Thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp số liệu chuyển đổi số	0,5				
	<i>Thực hiện đầy đủ và đúng quy định: 0,5</i>					
	<i>Thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>					
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	1,5				
7.2.1	Tỷ lệ DVCTT một phần và toàn trình có phát sinh nộp hồ sơ trực tuyến	0,5				
	<i>Từ 50% trở lên số DVCTT một phần và toàn trình có phát sinh hồ sơ: 0,5</i>					
	<i>Dưới 50% số DVCTT một phần và toàn trình có phát sinh hồ sơ: 0</i>					
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	0,5				
	<i>Từ 60% trở lên số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình: 0,5</i>					
	<i>Dưới 60% số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình: 0</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá		Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điểm đạt được		
7.2.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	0,5				
	<i>Từ 60% trở lên số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần: 0,5</i>					
	<i>Dưới 60% số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT: 0</i>					
7.3	Thực hiện thanh toán trực tuyến đối với các TTHC đủ điều kiện	2				
7.3.1	Tỷ lệ DVCTT có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	1				
	<i>Từ 10% trở lên số DVCTT có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 1</i>					
	<i>Dưới 10% số DVCTT có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 0</i>					
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	1				
	<i>Từ 45% trở lên số hồ sơ DVCTT được thanh toán trực tuyến: 1</i>					
	<i>Dưới 45% số hồ sơ DVCTT được thanh toán trực tuyến: 0</i>					
	TỔNG ĐIỂM	100				